

KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC VỀ XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÁC BỘ CHỈ SỐ KINH TẾ - XÃ HỘI^(*)

Lê Văn Hùng

Phạm Thị Thu Phương

Triệu Thanh Quang

Tóm tắt: Bài viết trình bày kinh nghiệm tại Việt Nam trong xây dựng và ứng dụng các bộ chỉ số kinh tế - xã hội nhằm phục vụ việc theo dõi, quản lý, hoạch định và giám sát các mặt của tiến trình phát triển. Năm bộ chỉ số được chọn phân tích gồm: Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh (PSDI), và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Bài viết làm rõ mục tiêu, phương pháp, cách thức triển khai, hiệu quả, và đánh giá trên một số khía cạnh của từng bộ chỉ số, đồng thời rút ra bài học cho việc triển khai các bộ chỉ số tương tự tại Việt Nam.

Từ khóa: Bộ chỉ số; Kinh tế - xã hội; Xây dựng và ứng dụng bộ chỉ số.

Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi, phát triển và hội nhập quốc tế, việc xây dựng và áp dụng các bộ chỉ số kinh tế - xã hội đã trở thành một công cụ quan trọng không chỉ trong quản lý hành chính công mà còn trong quản lý sự phát triển xã hội một cách toàn diện và bền vững. Các bộ chỉ số cho phép lượng hóa các khía cạnh phức tạp của đời sống xã hội, từ chất lượng dịch vụ công, hiệu quả điều hành đến mức độ hài lòng của người dân, năng lực cạnh tranh, và tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Nhờ đó, các cơ quan hoạch định chính sách và các cấp chính quyền có thể theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời các

chiến lược phát triển phù hợp với đặc thù địa phương và yêu cầu phát triển quốc gia.

Bài viết này sử dụng phương pháp tổng quan các tài liệu, báo cáo, thống kê, bài viết... về một số bộ chỉ số kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Bài viết tập trung hệ thống hóa, phân tích và đánh giá kinh nghiệm trong nước trong việc thiết kế và vận hành một số bộ chỉ số kinh tế - xã hội tiêu biểu đang được triển khai tại Việt Nam, bao gồm: Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh (PSDI), và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Thông qua việc làm rõ mục tiêu, cấu trúc, phương pháp đo lường, hiệu quả và những thách thức đặt ra trong quá trình áp dụng, bài viết góp phần nhận diện vai trò của các bộ chỉ số như là công cụ hỗ trợ quan trọng cho quản lý nhà nước và quản trị phát triển xã hội, đồng

^(*) Bài viết là sản phẩm đề tài “Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả áp dụng của Bộ chỉ số trong một số lĩnh vực, đề xuất kiến nghị chính sách” thuộc Chương trình “Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia”.

thời đề xuất một số hàm ý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng trong thực tiễn.

1. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính - SIPAS (ở cấp tỉnh)

Bộ chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính được triển khai ở 3 cấp độ: toàn quốc, cấp tỉnh, và cấp bộ do Bộ Nội vụ chủ trì có sự phối hợp và giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Cuộc điều tra để tính toán bộ chỉ số được tiến hành lần đầu tiên năm 2015 và công bố theo Quyết định số 915/QĐ-BNV ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2015. Phần nội dung này chủ yếu tập trung vào cấp tỉnh.

1.1. Đặc điểm

Mục tiêu chung của bộ chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính là “đánh giá khách quan chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của các cơ quan hành chính nhà nước. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhà nước nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức để có những biện pháp cải thiện chất lượng phục vụ và cung cấp dịch vụ của mình nhằm nâng cao sự hài lòng và lợi ích của người dân, tổ chức” (Bộ Nội vụ, 2016). Chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên 5 yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng của dịch vụ, bao gồm: tiếp cận dịch vụ, thủ tục hành chính, sự phục vụ của công chức, kết quả giải quyết công việc, sự hài lòng về phục vụ hành chính.

Về tổ chức thực hiện: Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì thực hiện việc xây dựng phương pháp, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai... đo lường sự hài lòng của người dân và công bố kết quả. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai áp dụng phương pháp đo lường đã được Bộ Nội vụ hướng dẫn để triển khai trên địa phương, nói cách khác là

tiến hành thu thập thông tin và gửi kết quả về Bộ Nội vụ để tổng hợp (Bộ Nội vụ, 2012).

Việc áp dụng phương pháp điều tra tại cấp tỉnh do tỉnh quyết định dựa trên các hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Theo đó, tỉnh có thể chọn toàn bộ cấp huyện hoặc chia huyện theo nhóm và chọn 20-30% cấp huyện để điều tra. Phương pháp thu thập thông tin ở các tỉnh cũng khác nhau tùy theo từng tỉnh, có thể tập trung người dân tại 1 điểm, phỏng vấn trực tiếp, đưa phiếu cho người dân điền, gửi phiếu qua đường bưu điện/nhân viên bưu điện trực tiếp phát phiếu... Quá trình triển khai thu thập thông tin từ người dân và tổ chức có sự phối hợp và giám sát của Ủy ban MTTQ và Hội Cựu chiến binh (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, 2020).

Nguồn lực, dữ liệu: Kinh phí triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân và tổ chức nằm trong kinh phí cải cách hành chính, đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có). Thời gian đầu, UNDP và các tổ chức quốc tế khác hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Nội vụ xây dựng phương pháp. Những năm gần đây, việc triển khai Bộ chỉ số này được thực hiện chủ yếu từ ngân sách nhà nước. Số liệu phục vụ tính toán chỉ số dựa trên số liệu sơ cấp thông qua điều tra xã hội học.

Thời gian thực hiện: Kết quả điều tra được phân tích và tính toán ra các chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp do Bộ Nội vụ tiến hành. Điều tra được tiến hành hàng năm từ năm 2015 đến nay. Số liệu mới nhất được công bố là năm 2022.

Hiệu quả áp dụng của Bộ chỉ số: Bộ chỉ số SIPAS đã triển khai được 07 năm với kinh phí từ ngân sách nhà nước đã đạt được phần lớn mục tiêu ban đầu của Chính phủ là thể hiện được đánh giá của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Xếp hạng chỉ số SIPAS của các địa phương đã trở thành

một thước đo trong cạnh tranh và thi đua giữa các địa phương. Những địa phương có xếp hạng thấp đã phải quan tâm nhiều hơn điều chỉnh chất lượng dịch vụ để cải thiện chỉ số và xếp hạng. Thông qua bộ chỉ số, người dân và tổ chức được thể hiện ý kiến, quan điểm của mình. Điều này mang lại những thay đổi trong công tác cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước, để giúp địa phương đề ra giải pháp cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao hiệu quả công tác phục vụ của các cơ quan.

Với xã hội, chỉ số SIPAS đã giúp mang lại tiếp cận dịch vụ công tốt hơn cho người dân và tổ chức trên tất cả các địa phương trong cả nước, giúp cải thiện niềm tin của người dân vào cơ quan hành chính nhà nước và giúp Chính phủ thực hiện tốt hơn chức năng quản lý và phục vụ xã hội của mình.

Công bố: Bộ chỉ số SIPAS của năm trước được công bố vào thời điểm tháng 4 của năm sau tại Hội nghị trực tuyến do Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức. Tại Hội nghị này, chỉ số SIPAS cho các bộ ngành cùng các địa phương được công bố và xếp hạng. Ngoài ra, bộ chỉ số SIPAS của mỗi tỉnh đều được công bố trên trang web của các tỉnh, thường là tại trang web của Sở Nội vụ.

1.2. Đánh giá

Về tính khoa học: Các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm đánh giá về chất lượng dịch vụ thường xem xét 5 khía cạnh gồm: Độ tin cậy (reliability), sự đồng cảm (empathy), độ đảm bảo (assurance), yếu tố thực tế (tangibles) và trách nhiệm/sự đáp ứng (responsiveness) (Zygiaris et al., 2022). Bộ chỉ số SIPAS là kết hợp sử dụng các đo lường về chất lượng dịch vụ với sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ. Như vậy, Bộ chỉ số vừa đánh giá được về chất lượng cung cấp dịch vụ của cơ quan nhà nước, vừa có đánh giá chủ quan và trực tiếp của đáp

viên đối với sự hài lòng của họ về dịch vụ được cung cấp.

Tuy vậy, Bộ chỉ số SIPAS không xem xét hết cả 5 khía cạnh của đo lường chất lượng dịch vụ, ví dụ không có khía cạnh sự đồng cảm. Trong mỗi khía cạnh, Bộ chỉ số SIPAS cũng không đánh giá hết các tiêu chí thành phần, chẳng hạn ở độ đảm bảo, chưa có thang đo về kiến thức của công chức cung cấp dịch vụ và năng lực biểu đạt niềm tin và sự tự tin. Vì vậy, độ chính xác (validity) trong thang đo của Bộ chỉ số chưa thực sự cao.

Điều này có thể giải thích do đặc thù của việc cung cấp dịch vụ công và dịch vụ được trao đổi ở đây khác với các hàng hóa dịch vụ khác trên thị trường do các doanh nghiệp cung cấp. Cơ quan xây dựng phiếu điều tra đã lựa chọn có chủ đích các khía cạnh của chất lượng dịch vụ trên cơ sở tính toán sự phù hợp của các đo lường với dịch vụ hành chính công được đánh giá.

Điểm hạn chế của Bộ chỉ số SIPAS là chưa đảm bảo cách thức chọn mẫu như nhau ở tất cả các địa phương mà cho phép các địa phương lựa chọn phương pháp phù hợp. Do vậy, khung chọn mẫu là không giống nhau ở các địa phương. Do đó, độ tin cậy của dữ liệu không đồng nhất giữa các địa phương. (Điều này có thể phần nào được khắc phục bằng cách tính toán quyền số cho số liệu ở các địa phương để đảm bảo số liệu là đại diện cho các tỉnh/thành). Điều này cũng khiến Bộ chỉ số có độ tin cậy (reliability) chưa cao theo tiêu chuẩn trong khoa học về đo lường.

Điểm hạn chế nữa của Bộ chỉ số SIPAS là cách thức phỏng vấn đáp viên không đảm bảo tính riêng tư và cách thức phỏng vấn cũng rất khác nhau giữa các địa phương. Đặc biệt, với những địa phương không đảm bảo tính riêng tư và bảo mật trong quá trình phỏng vấn, số

liệu thu thập được khó phản ánh trung thực và khách quan điểm của người dân.

Về tính hiệu quả: Bộ chỉ số SIPAS mặc dù còn có những hạn chế về tính khoa học, song đã mang lại nhiều hiệu quả cho người dân, cơ quan hành chính và xã hội. Bộ chỉ số giúp nâng cao tính hiệu quả trong cung cấp dịch vụ hành chính công, tăng tính đáp ứng của các dịch vụ hành chính công với người dân và tổ chức; giúp thúc đẩy quá trình cải cách hành chính tại các cơ quan nhà nước. Bộ chỉ số cũng giúp các địa phương đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ, tính minh bạch để phục vụ người dân và tổ chức được tốt hơn. Xét trên toàn xã hội, bộ chỉ số SIPAS giúp nâng cao hiệu suất nói chung của toàn xã hội, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

Về tính khả thi, phù hợp: Đổi lại một số hạn chế trong phương pháp và tính khoa học, Bộ chỉ số SIPAS đặc biệt có tính khả thi cao do cách thức triển khai rõ ràng, đơn giản, nội dung câu hỏi trực tiếp, ngắn gọn, dễ hiểu nên phù hợp với đại đa số người dân và tổ chức.

Tính ứng dụng trong thực tiễn: Bộ chỉ số có tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Căn cứ và phương pháp đã được Bộ Nội vụ hướng dẫn, các địa phương có thể chủ động triển khai việc thu thập số liệu tại địa bàn. Đặc biệt, với sự giám sát của Ủy ban MTTQ cùng Hội Cựu chiến binh, việc thu thập số liệu tại các địa phương được đảm bảo tính khách quan, các địa phương không thể can thiệp trực tiếp vào ý kiến trả lời của đáp viên. Do đó, Bộ chỉ số được ứng dụng trong thực tiễn một cách dễ dàng và đáp ứng được mục tiêu đề ra ban đầu là đánh giá sự hài lòng của người dân nhằm đề xuất các giải pháp, chính sách nâng cao chất lượng dịch vụ, thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của người dân về thủ tục hành chính công.

2. Chỉ số cải cách hành chính - PAR Index (cấp tỉnh)

Bộ chỉ số PAR Index được thu thập và tính toán cho cấp bộ và cấp tỉnh. Đối với cấp tỉnh, mục tiêu chung của bộ chỉ số cải cách hành chính (CCHC) là “Theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm” của “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước” (Bộ Nội vụ, 2022).

Theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ Nội vụ phê duyệt đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2022-2030, Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 37 tiêu chí, 88 tiêu chí thành phần với thang điểm đánh giá là 100”.

2.1. Đặc điểm

Về tổ chức thực hiện: Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì triển khai đề án: hướng dẫn, tổ chức triển khai kế hoạch; tập huấn và bồi dưỡng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ CCHC; tuyên truyền về chỉ số; rà soát và sửa đổi bộ chỉ số nếu cần; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai bộ chỉ số. Bộ Nội vụ cũng là đơn vị chủ trì việc phân tích dữ liệu và công bố kết quả. Các tỉnh, thành phố triển khai việc tự đánh giá theo hướng dẫn và phối hợp với Bộ Nội vụ để tiến hành điều tra xã hội học tại địa phương mình.

Chỉ số PAR Index được ban hành đầu tiên tại Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 3/12/2012 phê duyệt đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” và có sự thay đổi qua các năm 2016 (Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016); năm 2017 (Quyết định số

2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017), năm 2018 (Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018); năm 2019 (Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019); năm 2020 (Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020); năm 2022 (Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022).

Nguồn lực, dữ liệu: Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có) (Bộ Nội vụ, 2022). Thời gian đầu, đề án được hỗ trợ thông qua Dự án “Tăng cường năng lực các cơ quan Chính phủ Việt Nam nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả CCHC” do UNDP và các nhà tài trợ quốc tế khác hỗ trợ thông qua Quỹ Một Liên Hợp quốc. Hệ thống theo dõi - đánh giá và các chỉ số về CCHC do Bộ Nội vụ thực hiện là nội dung được tài trợ trong khuôn khổ dự án này của UNDP trong những năm đầu tiên. Bộ chỉ số CCHC là bộ chỉ số được tính toán dựa trên số liệu sơ cấp thông qua điều tra xã hội học.

Thời gian thực hiện: Chỉ số CCHC được thu thập và tính toán hằng năm. Hằng năm, Bộ Nội vụ đều ban hành Kế hoạch triển khai và hướng dẫn thực hiện thu thập dữ liệu và tính toán chỉ số với các bộ ngành và tỉnh, thành.

Hiệu quả áp dụng của Bộ chỉ số: Bộ chỉ số với nhiều chỉ tiêu và chỉ tiêu thành phần, đánh giá rất nhiều mặt của công tác cải cách hành chính tại các địa phương đã đem lại cái nhìn tổng thể về công tác cải cách hành chính trên cả nước. Nhờ vậy, mỗi địa phương đều có được thông tin tổng quát về những bước tiến và bước lùi trong công tác CCHC, cũng như có được những thông tin cụ thể tại một thời điểm công tác CCHC đang có vấn đề ở những khía cạnh nào. Nhờ đó, các địa phương chú trọng hơn tới công tác CCHC, mang lại sự thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu

quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Bộ chỉ số cũng là một thước đo giúp các nhà đầu tư đánh giá cơ hội trước khi đầu tư vào một địa phương cụ thể. PAR Index là một chỉ báo quan trọng cho thấy địa phương nào chú trọng công tác CCHC và tạo môi trường cởi mở, minh bạch, vì lợi ích của người dân và doanh nghiệp thì sẽ thu hút đầu tư tốt hơn.

Bộ chỉ số cũng thể hiện cam kết của Chính phủ và các địa phương về công tác CCHC của Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế và các cam kết quốc tế.

Công bố: Tương tự như Bộ chỉ số SIPAS, PAR index của năm trước được công bố vào thời điểm tháng 4 của năm sau tại Hội nghị trực tuyến do Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức. Tại Hội nghị này, chỉ số PAR index cho các bộ, ngành cùng các địa phương được công bố và xếp hạng. Ngoài ra, bộ chỉ số của mỗi tỉnh đều được công bố trên trang web của các tỉnh, thường là tại trang web của Sở Nội vụ.

2.2. Đánh giá

Về tính khoa học: Bộ chỉ số PAR Index là một bộ chỉ số phức tạp, bao phủ 8 lĩnh vực của công tác CCHC với 88 tiêu chí thành phần. Bộ chỉ số kết hợp đánh giá chủ quan từ các cơ quan hành chính lẫn đánh giá khách quan từ người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, điểm số từ mỗi lĩnh vực và tiêu chí thành phần đều được gán trọng số cho trước do Bộ Nội vụ hướng dẫn. Cỡ mẫu của phần điều tra xã hội học là lớn, đảm bảo các tiêu chí thống kê.

Điểm tích cực của Bộ chỉ số là bao trùm nhiều lĩnh vực (8 lĩnh vực), phản ánh được cơ bản những lĩnh vực chính của công tác CCHC mà Việt Nam đang triển khai.

Các tiêu chí và tiêu chí thành phần về cơ bản bám sát với các lĩnh vực thuộc chương

trình CCHC của Chính phủ, do đó đảm bảo tính chính xác (validity).

Tuy vậy, độ tin cậy (reliability) của bộ chỉ số chưa thực sự cao do việc chọn mẫu cho điều tra xã hội học không thống nhất ở các địa phương mà do địa phương chủ động lựa chọn. Một phần lớn trong tổng điểm đánh giá của bộ chỉ số lại do các địa phương tự chấm (65%), điều này có thể không phản ánh khách quan và chính xác thực trạng CCHC tại các địa phương.

Về tính hiệu quả: Với nguồn ngân sách chủ yếu từ ngân sách nhà nước, với cỡ mẫu lớn, hơn 57 nghìn phiếu cho cả hai hợp phần (đánh giá chủ quan và điều tra xã hội học) và được triển khai đồng bộ trên toàn quốc, việc xây dựng và tính toán Bộ chỉ số đạt hiệu quả cao do kết quả mang lại lớn so với nguồn đầu tư bỏ ra. Bộ chỉ số trở thành một căn cứ quan trọng cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ quan hành chính nhà nước và Chính phủ trong đánh giá về thực trạng CCHC nói chung và CCHC trên từng lĩnh vực của mỗi địa phương.

Về tính khả thi, phù hợp: Bộ chỉ số đã được triển khai thực hiện liên tục từ năm 2012 đến nay cho thấy tính khả thi và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Bộ Nội vụ với vai trò chủ trì phối hợp với các bộ và địa phương triển khai việc thu thập thông tin và tính toán chỉ số chủ yếu dựa trên nội lực. Cho đến nay, Việt Nam đã chủ động về phương pháp, kỹ thuật, và kinh phí trong triển khai thực hiện Bộ chỉ số này. Mặc dù vậy, nội dung bộ chỉ số tương đối nhiều và phức tạp, việc đảm bảo thu thập đủ và chính xác thông tin tại địa phương đòi hỏi đội ngũ cán bộ triển khai ở các cấp phải thực sự nhuần nhuyễn và trách nhiệm.

Tính ứng dụng trong thực tiễn: Các tỉnh thành cũng đã làm chủ phương pháp và kỹ thuật triển khai Bộ chỉ số, hoàn thành tốt các

yêu cầu của việc thu thập thông tin làm đầu vào cho việc tính toán bộ chỉ số do Bộ Nội vụ trực tiếp thực hiện và công bố.

3. Bộ chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh - PAPI

PAPI được Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam khởi xướng từ năm 2009. Mục tiêu của chỉ số PAPI là “đo lường và so sánh trải nghiệm, cảm nhận của người dân về hiệu quả và chất lượng thực thi chính sách, cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương ở 63 tỉnh/thành phố tại Việt Nam nhằm thúc đẩy xây dựng quản trị hiệu quả và chủ động đáp ứng nhu cầu của người dân” (CECODES, RTA và UNDP Việt Nam, 2023).

Bộ chỉ số PAPI bao gồm 8 trục nội dung: tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công; cung ứng dịch vụ công; quản trị môi trường; quản trị điện tử. Trong đó, bộ chỉ số có 29 nội dung thành phần, 120 tiêu đề chính và 550 câu hỏi về nhiều vấn đề chính sách của Việt Nam (CECODES, RTA và UNDP Việt Nam, 2023). PAPI triển khai trên 63 tỉnh thành, với 208 huyện, 416 xã và 832 tổ dân phố và cỡ mẫu của năm 2022 là 16.117 người từ 18 tuổi trở lên (CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP, 2023). Việc xây dựng bộ chỉ số dựa trên quy trình 3C gồm collection- thu thập thông tin xây dựng chỉ số thành phần; construction - xây dựng trục nội dung và nội dung thành phần; calibration – xác định và áp dụng trọng số.

3.1. Đặc điểm

Tổ chức thực hiện: Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) là hoạt động nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) và Chương trình Phát triển Liên

Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam từ năm 2009 cùng Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Trung ương và địa phương. Công ty Phân tích Thời gian thực (RTA) tham gia hỗ trợ kỹ thuật nền tảng công nghệ cho việc thu thập dữ liệu (CECODES, RTA và UNDP Việt Nam, 2023).

Nguồn lực, dữ liệu: Trong 12 năm qua, việc triển khai đo lường bộ chỉ số đã nhận được sự tài trợ của nhiều cơ quan quốc tế khác nhau: Cơ quan hợp tác và phát triển Tây Ban Nha đã tài trợ cho chương trình nghiên cứu trong hai năm thí điểm đầu tiên 2009 và 2010; Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (SDC) tài trợ chính từ năm 2011 đến tháng 11 năm 2017; Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc (DFAT) tài trợ chính từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 6 năm 2021; và Đại sứ quán Ai-len tài trợ bổ sung từ 2018 đến 2021. Liên Hợp quốc và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam đóng góp về tài chính và chuyên gia từ 2009 đến nay (CECODES, RTA và UNDP Việt Nam, 2023). Số liệu được sử dụng là dữ liệu sơ cấp từ cuộc điều tra xã hội học trên thực địa.

Thời gian thực hiện: PAPI được triển khai hàng năm dựa trên điều tra quy mô lớn với cỡ mẫu hơn 16 nghìn người dân được chọn ngẫu nhiên đại diện cho các nhóm nhân khẩu đa dạng tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Kết quả PAPI và xếp hạng của PAPI công bố hàng năm là nguồn dữ liệu quý giá cho các nhà lập chính sách, khoa học, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và các nhà đầu tư.

Tác động của Bộ chỉ số: Bộ chỉ số PAPI đã được tiến hành 12 năm qua tại Việt Nam và đã đáp ứng được các mục tiêu đề ra. Bộ chỉ số đã mang lại tác động to lớn với quá trình đổi mới của Việt Nam nói chung và đổi mới hoạt động của bộ máy công quyền nói riêng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của lộ trình phát triển bền vững ở Việt Nam.

Bộ chỉ số đã giúp theo dõi, đánh giá chính sách của Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi để trở thành quốc gia có mức thu nhập bậc trung; theo dõi và giám sát quá trình thay đổi về hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền qua các năm; phản ánh tiếng nói của người dân Việt Nam xuất phát từ trải nghiệm khi tương tác với các cấp chính quyền và sử dụng dịch vụ công; đưa dữ liệu thực chứng đến với các nhà hoạch định chính sách; đối với người dân, PAPI đã giúp phản ánh tiếng nói, yêu cầu và nguyện vọng của người dân đối với nền quản trị hành chính nước nhà.

Việc công bố kết quả chỉ số qua các năm cũng đã giúp các địa phương nhìn nhận nghiêm túc những vấn đề trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính địa phương và dần cải thiện những lĩnh vực còn hạn chế.

Công bố: Hội nghị công bố kết quả Bộ chỉ số PAPI được tổ chức hàng năm, thường vào tháng 4 do các đơn vị tổ chức thực hiện công bố. Bộ chỉ số cũng được cung cấp trên trang web chính thức <https://papi.org.vn/> và trang web của các tỉnh thành.

3.2. Đánh giá

Về tính khoa học: Bộ chỉ số PAPI được thiết kế trên cơ sở tuân thủ những yêu cầu chặt chẽ của quá trình xây dựng thang đo. Việc xây dựng thang đo dựa trên tham vấn đội ngũ chuyên gia giúp xác định đúng các nội dung cần đo lường và các thang đo đo lường đúng vấn đề cần đánh giá. Việc tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn khoa học trong dự thảo thang đo giúp đảm bảo độ chính xác của các thang đo. Công tác thu thập thông tin dựa vào thiết bị di động và phần mềm giúp cho tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai số trong quá trình nhập phiếu sau này.

Về tính hiệu quả: Được đầu tư công phu và đáp ứng các tiêu chuẩn về phương pháp khoa

học, Bộ chỉ số đã trở thành một công cụ tin cậy, phản ánh chân thực thực trạng hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và thể hiện được ý kiến của người dân về hoạt động của các cơ quan này. Bộ chỉ số cũng là một công cụ quan trọng giúp các cơ quan nhà nước có sự điều chỉnh trong hoạt động của mình, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

Về tính khả thi, phù hợp: Quá trình xây dựng bộ chỉ số, các cơ quan triển khai đã nghiên cứu và lựa chọn các chỉ tiêu thành phần một cách kỹ lưỡng, có thử nghiệm nhiều lần nên bộ chỉ số được cho là rất phù hợp với đặc trưng của Việt Nam. Bộ chỉ số đã được thực hiện trong 12 năm qua, trở thành một kênh thông tin quan trọng về quản trị hành chính và có tính khả thi cao trong thực tế.

Tính ứng dụng trong thực tiễn: Bộ chỉ số tập trung chủ yếu vào tính ứng dụng trong thực tiễn thông qua những hướng dẫn cụ thể, chi tiết về thiết kế nội dung, phương pháp, tính toán... bộ chỉ số.

4. Bộ chỉ số Phát triển bền vững cấp tỉnh - PSDI

4.1. Đặc điểm

Mục tiêu của Bộ chỉ số Phát triển bền vững cấp tỉnh là “xác định được những tỉnh/thành nào đang thực hiện vấn đề phát triển bền vững tốt hơn tỉnh/thành khác, từ đó đưa ra một bảng xếp hạng phát triển bền vững giữa các tỉnh/thành, xếp hạng phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ của Việt Nam và đề xuất những giải pháp và chính sách phù hợp” (Phạm Mỹ Hằng Phương, Nguyễn Duy Tùng, 2022, p. 25).

Chỉ số PSDI năm 2021 bao gồm 14 chỉ số thành phần dựa trên 17 SDGs của quốc gia. Mỗi chỉ số thành phần lại bao gồm các chỉ tiêu phản ánh những khía cạnh quan trọng khác nhau về phát triển bền vững. “14 mục tiêu phát triển bền vững cấp tỉnh năm 2021 với 96 chỉ

tiêu thành phần tại Việt Nam. Bộ chỉ số PSDI không sử dụng trọng số mà các chỉ số thành phần đều có vai trò quan trọng như nhau trong tính toán chỉ số tổng hợp.

Tổ chức thực hiện: PSDI được khởi xướng và thực hiện do một nhóm các nhà khoa học tại Học viện Chính sách và Phát triển bắt đầu năm 2020. Phương pháp xác định chỉ số PSDI năm 2021 được chia làm 6 giai đoạn: (1) lựa chọn các chỉ tiêu và thu thập dữ liệu; (2) kiểm duyệt giá trị cực của các chỉ tiêu; (3) xác định ngưỡng tối ưu của các chỉ tiêu; (4) cho điểm các tỉnh theo chỉ tiêu; (5) xác định tỷ trọng của các chỉ tiêu cấu thành nên điểm của chỉ số thành phần PSDI; và (6) tính điểm chỉ số PSDI (Phạm Mỹ Hằng Phương, Nguyễn Duy Tùng, 2022).

Nguồn lực, dữ liệu: Báo cáo chính thức của Bộ chỉ số PSDI không đề cập tới nguồn kinh phí đảm bảo cho việc thực hiện Bộ chỉ số, song cũng cho thấy Bộ chỉ số được xây dựng dựa trên kinh phí từ một đề tài khoa học của Học viện Chính sách và Phát triển.

Dữ liệu đầu vào của Bộ chỉ số được thu thập từ các nguồn thống kê chính thống gồm: Niên giám thống kê của các tỉnh/thành, của các ngành; dữ liệu của Tổng cục Thống kê, của các bộ kết hợp với những dữ liệu khác. Do đó, các số liệu sử dụng cho xây dựng Bộ chỉ số đều là dữ liệu thứ cấp.

Thời gian: Bộ chỉ số PSDI được bắt đầu triển khai vào năm 2021 và tiếp tục thực hiện vào năm 2022.

Tác động của Bộ chỉ số:

1) Chỉ số PSDI cụ thể hóa cam kết quốc tế của Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, thể hiện rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu trên.

2) Chỉ số PSDI cung cấp thông tin, dữ liệu cho chính quyền các tỉnh/thành phố về hiện trạng thực hiện cam kết phát triển bền vững tại các địa phương, từ đó xác định được những điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục.

3) Nếu được công bố định kỳ, chỉ số PSDI sẽ hỗ trợ đáng kể cho việc nâng cao hiệu quả xây dựng và thực thi chính sách tại các địa phương.

4) Chỉ số PSDI giúp xác định rõ các thực tiễn tốt tại một số địa phương để nhân rộng ra các địa phương khác trên cả nước, từ đó góp phần vào việc thực hiện cam kết quốc gia của Việt Nam.

5) Nếu được thực hiện hiệu quả, chỉ số PSDI sẽ có thể trở thành công cụ chính sách quan trọng, hỗ trợ cho Chính phủ trong chỉ đạo điều hành liên quan tới phát triển bền vững.

6) Việc xác định chỉ số thang điểm 100 cho phép so sánh mức độ phát triển bền vững của các địa phương trong nước, từ đó đưa ra bảng xếp hạng có ý nghĩa và giá trị tham khảo cao.

Công bố: PSDI được công bố thông qua báo cáo tổng hợp về chỉ số được xuất bản dưới dạng sách. Ngoài ra, chỉ số PSDI cũng được giới thiệu chi tiết trên trang web chính thức <https://psdi.com.vn/>.

4.2. Đánh giá

Về tính khoa học: Việc xác định các chỉ số và chỉ tiêu thành phần của PSDI được nhóm tác giả lựa chọn căn cứ trên một số tiêu chí như các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới; vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan²; vào tính sẵn có của số liệu; vào tính

phù hợp của dữ liệu trong đo lường phát triển bền vững cấp tỉnh; vào khả năng thay thế.

Việc chọn các chỉ tiêu cũng được căn cứ trên cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững để đảm bảo các chỉ tiêu đưa ra có cơ sở lý luận. Song, do phải tính toán đến tính sẵn có của số liệu nên độ chính xác của các chỉ tiêu được lựa chọn khó được đảm bảo.

Về hiệu quả áp dụng trong thực tiễn: Bộ chỉ số giúp xem xét quá trình thực thi phát triển bền vững ở cấp địa phương là như thế nào, cái gì đang làm tốt, cái gì chưa tốt; xếp hạng các địa phương theo chỉ số PSDI, thông qua đó thúc đẩy các địa phương phấn đấu hơn nữa trong quản lý quá trình phát triển theo mục tiêu đặt ra.

Bộ chỉ số cũng giúp người dân thấy rõ hơn mức độ thụ hưởng các thành quả của quá trình phát triển là như thế nào.

Các nhà đầu tư cũng có thể nhìn thấy sự phát triển chung của địa phương để có quyết định đối với việc đầu tư tại địa phương.

PSDI cũng giúp phản ánh hiệu quả của quá trình phát triển bền vững tại địa phương, giúp phần nào cho thấy quá trình phát triển bền vững của cả nước, là cơ sở cho các báo cáo phát triển bền vững của Việt Nam với các tổ chức quốc tế; đồng thời so sánh tiến trình phát triển bền vững ở Việt Nam so với thế giới.

Về tính khả thi, phù hợp: Bộ chỉ số có tính khả thi cao do nhóm tác giả đã lựa chọn các tiêu chí và tiêu chí thành phần đảm bảo tối thiểu đạt 80% tại các nhóm. Việc sử dụng dữ liệu thứ cấp sẵn có cũng là một đặc điểm đem lại tính khả thi cho bộ chỉ số. Việc xác định các tiêu chí và tiêu chí thành phần dựa trên 17 mục tiêu phát triển bền vững cũng là một cách

² Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ với 17 mục tiêu chung về phát triển bền vững, 115 mục tiêu cụ thể và một hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện; Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt

Nam đến năm 2030; Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững.

đề bộ chỉ số phù hợp hơn với đặc thù tại địa phương và các đặc điểm riêng của Việt Nam.

Tính ứng dụng trong thực tiễn: Bộ chỉ số có khả năng ứng dụng cao trong thực tiễn do có phương pháp rõ ràng, sử dụng số liệu thứ cấp có sẵn tại các địa phương.

5. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Provincial Competitiveness Index – PCI) là chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

PCI được phát triển bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam. Chỉ số PCI do một nhóm chuyên gia trong và ngoài nước của VCCI cùng hợp tác thực hiện.

PCI được xây dựng từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp thường niên và được coi là “tập hợp tiếng nói” của cộng đồng doanh nghiệp dân doanh về môi trường kinh doanh tại các tỉnh, thành phố ở Việt Nam.

Tại lần cập nhật năm 2017, PCI bao gồm 10 chỉ số thành phần bao gồm: Chi phí gia nhập thị trường; Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất; Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Theo VCCI (2016), quy trình xây dựng chỉ số PCI gồm 3 bước: thu thập dữ liệu, xây dựng chỉ số và tính toán chỉ số.

5.1. Đặc điểm

Về tổ chức thực hiện: VCCI chịu trách nhiệm tổ chức thu thập dữ liệu và tính toán chỉ số PCI. Nhóm nghiên cứu bắt đầu cuộc điều tra bằng việc chọn mẫu điều tra dựa trên danh sách doanh nghiệp đang có phát sinh hoạt động thuế tại mỗi tỉnh, thành phố từ cơ quan thuế. Do nghiên cứu muốn so sánh giữa các tỉnh, nên chọn mẫu được tiến hành cho từng tỉnh, thay vì chọn mẫu chung cho toàn quốc.

Nguồn lực thực hiện: Nguồn tài trợ cho việc thu thập dữ liệu và công bố PCI đến từ các tổ chức quốc tế và trong nước, bao gồm Chính phủ Việt Nam, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức phát triển quốc tế như Ngân hàng Thế giới.

Thời gian thực hiện: PCI được công bố hàng năm, với dữ liệu thu thập trong năm trước đó. Kỳ đánh giá thường diễn ra vào quý 1 của năm công bố.

Hiệu quả áp dụng bộ chỉ số: Theo đánh giá của VCCI, kể từ lần đầu tiên nghiên cứu và công bố PCI năm 2005 cho tới nay, có ít nhất năm tác động lớn mà PCI đã đạt được là:

PCI thay đổi tư duy về điều hành: Trước đây các địa phương vẫn cho rằng vị trí địa lý, sự phát triển về cơ sở hạ tầng... mới là quan trọng thì PCI đã khẳng định tăng cường chất lượng điều hành sẽ tạo ra động lực phát triển của khu vực doanh nghiệp và thu hút đầu tư. Nghiên cứu của Huỳnh Thị Thúy Giang (2021) khẳng định mối quan hệ giữa PCI và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả này còn chưa thể hiện rõ ràng trong nghiên cứu của (Nguyễn Mạnh Cường, 2019). Tác giả chỉ ra rằng, tỉnh thành có chỉ số PCI cao lại kém hiệu quả trong việc thu hút FDI và ngược lại, nhiều tỉnh có PCI thấp vẫn thu hút được lượng FDI cao và sự khác biệt trong thu hút FDI của các địa phương hiện nay đến từ các chỉ tiêu “Đào tạo

lao động”; “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Tính minh bạch”.

PCI tạo công cụ giám sát hiệu quả: Qua PCI, tiếng nói của doanh nghiệp được đề cao. Mục tiêu quan trọng của chính quyền là phải hướng đến sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đây là mục tiêu tối thượng của mọi cuộc cải cách. Và đây có lẽ cũng là công trình nghiên cứu đầu tiên lượng hóa được các chỉ số về sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp với các cấp chính quyền. Thậm chí Đỗ Tuyết Nhung & Lê Quang Cảnh, (2020) còn cho rằng PCI cùng với PAPI được Chính phủ Việt Nam sử dụng như một nguồn dẫn chứng phục vụ giám sát tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

PCI là động lực cho sự thay đổi: Hiếm có công trình nào thúc đẩy sự thay đổi không chỉ thái độ mà còn là hoạt động cụ thể của chính quyền như PCI. Rất nhiều sáng kiến mới cải cách đã được các địa phương thực hiện từ PCI.

PCI thúc đẩy hợp tác và chia sẻ: Trong những năm qua, PCI đã giúp lan toả những kinh nghiệm tốt và bài học cải cách thành công tại các địa phương ở Việt Nam: Sáng kiến xây dựng Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp huyện và/hoặc cấp sở ngành (DCI) đo lường hiệu quả công tác của các huyện thành phố thị xã và sở ngành đã lan rộng từ Kiên Giang, Lào Cai tới Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Bắc Giang, Thái Nguyên và nhiều tỉnh thành phố khác.

PCI góp phần tạo dựng hình ảnh và uy tín cho các địa phương cũng như Việt Nam trong việc tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi: Những đánh giá của chính những doanh nghiệp đang hoạt động tại mỗi tỉnh, thành là thông tin từ thực tế và có giá trị tham khảo quan trọng cho các nhà đầu tư. Chính vì vậy, PCI đã trở thành nguồn thông tin quan trọng, giúp nhiều tỉnh, thành phố tạo dựng

hình ảnh và uy tín trong việc thu hút đầu tư. Không chỉ thế, PCI còn góp phần quan trọng xây dựng hình ảnh thân thiện của môi trường đầu tư Việt Nam, khi đã trở thành một sản phẩm “Made in Vietnam” được tham khảo và bước đầu triển khai tốt ở 13 nước trên thế giới, trong đó có cả những nền kinh tế đang cải cách mạnh mẽ như Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Srilanka, Bangladesh, Salvador, Kosovo, Myanmar, Lào...

Công bố kết quả đánh giá: PCI được công bố thường niên thông qua nhiều hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau. Sự kiện công bố PCI được tổ chức trọng thể vào tháng 3 hàng năm bởi VCCI và các đơn vị liên quan với sự tham gia của đại diện các tỉnh, thành phố. Theo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), n.d.) , đến nay đã có đến gần 500 hội thảo về PCI được tổ chức trên cả nước với sự tham dự của gần 1000 lượt cán bộ ở các địa phương.

Bên cạnh việc công khai các báo cáo đánh giá PCI thường niên, báo cáo PCI, giới thiệu về phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện và các vấn đề liên quan được công bố công khai trên website PCI (<https://pcivietnam.vn/>).

5.2. Đánh giá

PCI tạo động lực cho các tỉnh/thành phố cạnh tranh với nhau để cải thiện môi trường kinh doanh và dịch vụ công, từ đó góp phần tạo nên những mô hình cải cách thực chất ở các địa phương³.

Tuy vậy, nhiều đánh giá cũng cho rằng, PCI có thể không thể hiện một cách hoàn toàn thực tế tình hình ở các tỉnh/thành phố. Việc chọn mẫu cũng cần đảm bảo tính đại diện, đặc biệt cần hỏi về trải nghiệm của doanh nghiệp với các lĩnh vực được đánh giá trong PCI tại

³ <https://baodautu.vn/pci-2022-cuoc-dua-giua-cac-thuc-tien-tot-d188458.html>

thời điểm điều tra cứ không phải trải nghiệm trong quá khứ xa hơn.

Kết luận

Thực tiễn triển khai áp dụng một số bộ chỉ số Việt Nam cho thấy những điểm chung, là kinh nghiệm tốt cho việc thiết kế và triển khai các bộ chỉ số kinh tế - xã hội tại Việt Nam như sau:

Các bộ chỉ số áp dụng đều được các tổ chức, các quốc gia xây dựng dựa trên những mục tiêu mục đích cụ thể khác nhau nhằm theo dõi, đánh giá kết quả vấn đề quan tâm.

Các bộ chỉ số được thực hiện và ban hành dựa trên những cam kết, qui ước hoặc qui định thực hiện bởi các cơ quan quản lý các cấp sẽ giúp quá trình triển khai thực hiện đo lường, đánh giá bộ chỉ số sẽ mang lại kết quả tích cực và khoa học hơn so với những nghiên cứu có tính tự phát và có tính tự nguyện.

Các bộ chỉ số thường được thống nhất triển khai thực hiện bởi một cơ quan đầu mối. Cơ quan tổ chức đo lường các bộ chỉ số này thường là cơ quan độc lập với các đơn vị được đánh giá, đo lường về kết quả của các chỉ báo, chỉ số cụ thể.

Các bộ chỉ số đều có nguồn kinh phí định kỳ duy trì triển khai thực hiện đo lường. Nguồn kinh phí có thể từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí được huy động từ nguồn tài trợ (từ các tổ chức, doanh nghiệp,...)

Số liệu sử dụng đo lường các bộ chỉ số thường được sử dụng từ hai nguồn chính là số liệu thống kê thứ cấp, kết hợp tài liệu thứ cấp và sử dụng số liệu từ điều tra khảo sát của đơn vị chủ trì thực hiện, hoặc kết hợp sử dụng số liệu từ các cuộc điều tra khác đo lường các bộ chỉ số.

Các bộ chỉ số về cơ bản đều mang lại những tác động tích cực liên quan tới các mục tiêu, mục đích cụ thể, nhất là giúp cải thiện chất lượng phát triển chung của xã hội (quốc gia, cộng đồng doanh nghiệp, cư dân) nhờ hiểu biết rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu, các vấn đề hạn chế của những vấn đề được đo lường, theo dõi.

Các bộ chỉ số cần được thực hiện theo dõi thường kỳ (có thể hàng năm hoặc 2 năm) nhằm theo dõi đánh giá sự thay đổi không chỉ với các tỉnh/thành hay quốc gia khác mà còn có thể giúp theo dõi sự thay đổi của chính địa phương, quốc gia mình trong một giai đoạn.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nội vụ (2012). *Quyết định số 1383/QĐ-BNV*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyết-dinh-1383-QĐ-BNV-nam-2012-phe-duyet-De-an-Xay-dung-Phuong-phap-do-luong-164744.aspx>
2. Bộ Nội vụ (2016). *Báo cáo Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính năm 2015—SIPAS 2015*.
3. Bộ Nội vụ (2022). *Quyết định 876/QĐ-BNV về xác định chỉ số cải cách hành chính*.
4. CECODES, RTA và UNDP Việt Nam (2023). *Trang web về chỉ số PAPI*. <https://papi.org.vn/>
5. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2023). *Báo cáo chỉ số PAPI 2022*.
6. *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*. Retrieved October 16, 2023, from <https://pcivietnam.vn>
7. Đậu Anh Tuấn, Phạm Ngọc Thạch, Lê Thanh Hà, Nguyễn Thu Hằng, Lưu Ngọc Ánh, & Trương Đức Trọng (2019). *Kinh nghiệm xây dựng Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và huyện, thị (DDCI)*. VCCI.

8. Đỗ Tuyết Nhung & Lê Quang Cảnh (2020). Thước đo chất lượng thể chế quản trị địa phương cấp tỉnh của Việt Nam. *Kinh tế & Phát triển*, 278. <https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2020/So%20278/379312.pdf>
9. *Economica Vietnam* (2023). *Chỉ số Thành phần*. <https://ddci.org.vn/post/chi-so-thanh-phan/2097>
10. Huỳnh Thị Thúy Giang (2021). Mối quan hệ giữa chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 228.
11. Nguyễn Mạnh Cường (2019). Ảnh hưởng của chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các tỉnh thành Việt Nam giai đoạn 2012-2016. *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, 37.
12. Phạm Mỹ Hằng Phương, Nguyễn Duy Tùng (2022). *Chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh - PSDI 2021*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
13. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (2020). *Kế hoạch triển khai Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2020*.
14. VCCI (2016). *Hướng dẫn sử dụng kết quả PCI nhằm cải thiện môi trường kinh doanh cấp tỉnh*. https://pcivietnam.vn/uploads/VN-Nghien-cuu-khac/So-tay-Dai-bieu-dan-cu_final.pdf
15. Zygiaris, S., Hameed, Z., Ayidh Alsubaie, M., & Ur Rehman, S. (2022). Service quality and customer satisfaction in the post pandemic world: A study of Saudi auto care industry. *Frontiers in Psychology*, 13, 842141. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2022.842141>

Thông tin tác giả:**1. Lê Văn Hùng, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.

- Địa chỉ email: hunglevan78@gmail.com

2. Phạm Thị Thu Phương, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.

3. Triệu Thanh Quang, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.

Ngày nhận bài: 03/01/2025

Ngày nhận bản sửa: 20/02/2025

Ngày duyệt đăng: 11/03/2025